|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị:...................**[[1]](#footnote-1) | **Mẫu số 01- TSCĐ** |
| **Bộ phận:................** | |  | | --- | | (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC | | Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) | |

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ**[[2]](#footnote-2)

*Ngày .....tháng .....năm 2023*

Số:......................

Nợ: ....................

Có: ....................

Căn cứ Quyết định số:[[3]](#footnote-3) ......................ngày .......tháng .......năm .......của ......................

.........................................................................................về việc bàn giao TSCĐ..........

Ban giao nhận TSCĐ gồm:[[4]](#footnote-4)

- Ông/Bà .........................................chức vụ .............................. Đại diện bên giao

- Ông/Bà .........................................chức vụ ...............................Đại diện bên nhận

- Ông/Bà .........................................chức vụ ...............................Đại diện .....................

Địa điểm giao nhận TSCĐ :............................................................................................

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| S  TT | Tên,  ký hiệu  quy cách (cấp  hạng TSCĐ) | Số  hiệu  TSCĐ | Nước  sản  xuất  (XD)[[5]](#footnote-5) | Năm  sản  xuất | Năm  đưa  vào sử  dụng | Công  suất  (diện  tích  thiết kế)[[6]](#footnote-6) | **Tính nguyên giá tài sản cố định[[7]](#footnote-7)** | | | | | |
| Giá  mua  (ZSX) | Chi  phí  vận  chuyển | Chi  phí  chạy  thử | ... | Nguyên  giá  TSCĐ[[8]](#footnote-8) | Tài liệu  kỹ thuật  kèm theo[[9]](#footnote-9) |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | E |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Cộng*** | ***x*** | ***x*** | ***x*** | ***x*** | ***x*** |  |  |  |  |  | ***x*** |

**DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO**[[10]](#footnote-10)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số  thứ tự | Tên, qui cách dụng cụ,  phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
| A | B | C | 1 | 2 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giám đốcbên nhận | **Kế toán trưởng bên nhận** | **Người nhận** | **Người giao** |
| *(Ký, họ tên, đóng dấu)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

1. *Ghi rõ tên đơn vị (hoặc đóng dấu doanh nghiệp), bộ phận sử dụng.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Biên bản giao nhận tài sản cố định (gọi tắt là TSCĐ) lập cho từng TSCĐ. Đối với trường hợp giao nhận cùng một lúc nhiều tài sản cùng loại, cùng giá trị và do cùng 1 đơn vị giao có thể lập chung 1 biên bản giao nhận TSCĐ.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Điền số hiệu, ngày tháng năm của Quyết định về việc giao nhận TSCĐ.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Khi có tài sản mới đưa vào sử dụng hoặc điều tài sản cho đơn vị khác, đơn vị phải lập hội đồng bàn giao gồm: Đại diện bên giao, đại diện bên nhận và 1 số uỷ viên.* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Ghi nước sản xuất (xây dựng).*  [↑](#footnote-ref-5)
6. *Ghi công suất (diện tích, thiết kế) như xe TOYOTA 12 chỗ ngồi, hoặc máy phát điện 75 KVA, ...* [↑](#footnote-ref-6)
7. *Ghi các yếu tố cấu thành nên nguyên giá TSCĐ gồm: Giá mua (hoặc giá thành sản xuất) (cột 4); chi phí vận chuyển, lắp đặt (cột 5); chi phí chạy thử (cột 6).* [↑](#footnote-ref-7)
8. *Ghi nguyên giá TSCĐ bằng tổng các yếu tố cấu thành nên nguyên giá TSCĐ (cột 7 = cột 4 + cột 5 + cột 6 +...).* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Ghi những tài liệu kỹ thuật kèm theo TSCĐ khi bàn giao.* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Liệt kê số phụ tùng, dụng cụ đồ nghề kèm theo TSCĐ khi bàn giao. Sau khi bàn giao xong các thành viên bàn giao, nhận TSCĐ cùng ký vào biên bản* [↑](#footnote-ref-10)